

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày: 10/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lại Anh Vân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Ngọc Nghiêm**.

Ông **Đào Đình Phúc**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Long V, sinh năm 1997 tại tỉnh H. Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tứ H và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt.

2. Lê Văn V1, sinh năm 1997 tại tỉnh H. Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu H1 và bà Nguyễn Thị S. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- Bị hại:

+ Anh **Vũ Duy Đ**, sinh năm 1988; Trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

+ Anh **Đào Quang C**, sinh năm 1989; Trú tại: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H. Có mặt.

+ Anh **Vũ Đức O**, sinh năm 1986; Trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, anh O: Anh Đào Quang C, sinh năm 1989; Trú tại: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Lê Thế U**, sinh ngày 15/02/2002; Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Cháu Đặng Lê Hương G, sinh ngày: 24/02/2003; Địa chỉ: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H. Đại diện hợp pháp của cháu Giang: Chị Lê Thị C1, sinh năm: 1979 - Là mẹ đẻ của cháu Giang. Vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Long V là nhân viên của quán *Vua gà tươi* ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H; chủ quán là các anh Vũ Duy Đ, Đào Quang C và Vũ Đức O.

Khoảng 23 giờ ngày 23/02/2020, biết quán *Vua gà tươi* không có ai trông coi nên Lê Long V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Lê Long V điều khiển xe mô tô Wave màu đen, BKS 27H1-6190 đến nhà Lê Văn V1 ở cùng thôn rủ đi trộm cắp tài sản, Lê Văn V1 đồng ý. Lê Long V điều khiển xe chở Lê Văn V1 đến quán *Vua gà tươi*, thấy cửa quán khóa. Long V dựng xe ở bãi đất trống sau quán, bê dịch tắm che ô thoáng sang một bên rồi bảo Văn V1 vào trước đập cầu giao điện và cùng chui theo sau. Khi Văn V1 tắt điện, thì Long V dùng đèn của điện thoại soi và đi vào trong phòng ngủ của quán. Long V dùng 01 thanh kim loại hình vuông và 01 móc hình chữ S cùng với Văn V1 cạy khóa kết sắt nhưng không được. Do pin điện thoại đã yếu, Long V lấy 02 cây nến trong quầy, thắp sáng. Văn V1 cầm thanh kim loại cạy phá gãy khay cạnh mở được kết sắt rồi bóc toàn bộ phong bì tiền trong kết sắt, cùng với Long V cho vào túi nilon. Sau đó cả hai người theo lối cũ ra ngoài. Văn V1 điều khiển xe mô tô trở Long V về thuê phòng số 307 của nhà nghỉ *Quỳnh Giao* ở thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh H. Tại đây, Long V và Văn V1 đổ túi nilon, bóc các phong bì được tổng số tiền 28.000.000 đồng, mỗi người cầm 14.000.000 đồng rồi đi ngủ.

Với số tiền chiếm đoạt được, Long V đã chi tiêu cá nhân hết 6.100.000 đồng. Số tiền còn lại 7.900.000 đồng đã bị cơ quan công an thu giữ khi bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Văn V1 đã mua 01 điện thoại Iphone 6S của chị Bùi Thị T1, sinh năm 1992 ở thôn 2 xã Đ, huyện K, tỉnh H với số tiền 2.800.000 đồng; đưa cho bạn gái là Đặng Lê Hương G, sinh năm 2003 ở thôn N, xã M, huyện K, tỉnh H 1.500.000 đồng. Chị G đã chi tiêu hết 500.000 đồng. Số tiền còn lại 1.000.000 đồng Chị G đã nộp lại cho cơ quan

công an. Văn V1 tự nguyện giao nộp 2.800.000 đồng cho cơ quan công an, số tiền còn lại đã chi tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/2020/KL-HĐĐG của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: Kết sắt có trị giá 1.700.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 28/VKS-HS ngày 24/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh H đã truy tố Lê Long V và Lê Văn V1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Long V; Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn V1. Các Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án lệ phí tòa án. Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Long V, Lê Văn V1 phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Long V từ **18** tháng tù đến **21** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Văn V1 từ **15** tháng tù đến **18** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 02 bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Long V và Văn V1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền chiếm đoạt và tài sản bị hư hỏng, trừ đi số tiền các bị cáo đã giao nộp, còn lại số tiền là 18.000.000 đồng. Chia phần, bị cáo Lê Văn V1 còn phải bồi thường 6.950.000 đồng, bị cáo Lê Văn V1 còn phải bồi thường số tiền 11.050.000 đồng cho người bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Long V đã bồi thường đủ số tiền 6.950.000 đồng cho bị hại. Bị cáo Lê Long V đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại hình vuông ống; 02 cây nến màu đỏ; 01 thanh kim loại hình chữ S; 01 đôi dép, 01 bộ quần áo thun màu đen, 01 áo khoác.

Giữ lại 01 chiếc điện thoại Iphone 6S màu xám, màn hình màu đen, có số Imei 355694078973931 của bị cáo Lê Văn V1 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Đối với 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xám bạc đã bị hỏng, quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đặt ra xem xét, xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Wave Alpha BKS 27H1-6190 là phương tiện các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản: Chiếc này này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Lê Tứ H. Ông H không biết bị cáo Lê Long V sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện không thu giữ. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với chị Bùi Thị T1, có bán cho bị cáo Lê Văn V1 chiếc điện thoại Iphone 6S với số tiền 2.800.000 đồng. Chị T1 không biết về nguồn gốc số tiền mua điện thoại do bị cáo phạm tội mà có. Số tiền 2.800.000 đồng bán điện thoại cho bị cáo, chị đã chi tiêu hết. Do vậy, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với chị T1.

Đối với chị Đặng Lê Hương G được bị cáo Lê Văn V1 đưa cho 1.500.000 đồng. Chị G không biết đó là số tiền do bị cáo phạm tội mà có. Chị đã chi tiêu hết 500.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng đã nộp cho cơ quan công an. Do vậy, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với chị G.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị hại anh Đào Quang C yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt và tài sản bị hư hỏng, sau khi trừ đi số tiền mà các bị cáo giao nộp cho cơ quan công an, với số tiền còn lại là 18.000.000 đồng. Anh đã được bị cáo Lê Long V và gia đình bồi thường số tiền 6.950.000 đồng tại phiên tòa. Bị cáo Lê Long V đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường đối với anh. Anh yêu cầu bị cáo Lê Văn V1 còn phải bồi thường số tiền 11.050.000 đồng. Ngoài ra, anh đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo Lê Long V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào đêm ngày 23, rạng sáng ngày 24/02/2020 bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 đã lết lút vào quán *Vua gà tươi* ở thôn L, xã N, huyện T, tỉnh H, cậy phá kết sắt, chiếm đoạt số tiền 28.000.000 đồng của các anh Vũ Duy Đ, sinh năm 1988, trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H; Anh Đào Quang C, sinh năm 1989, trú tại: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H; Anh Vũ Đức O, sinh năm 1986, trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H là đồng chủ quán *Vua gà tươi*.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu là khách thể được luật hình sự bảo vệ.

Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu, phục vụ nhu cầu của bản thân nên đã có ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Khi xem xét, quyết định hình phạt, HĐXX thấy: Đây là vụ án đồng phạm, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người phạm tội, là đồng phạm đơn giản. Bị cáo Lê Long V là người khởi xướng việc trộm cắp và là người thực hành tích cực nên giữ vai trò chính, Lê Văn V1 là đồng phạm với vai trò người thực hành.

Bị cáo Lê Văn V1 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Lê Long V chưa có tiền án tiền sự; Ngày 29/5/2020 bị cáo Lê Long V bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật). Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 có nhân thân tốt, chưa lần nào bị kết án, nay phạm vào loại tội phạm ít nghiêm trọng. Do vậy, cả 02 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, đối với bị cáo Lê Long V sau khi phạm tội ở huyện K, tỉnh H đã tự khai ra hành vi trộm cắp tài sản của mình cùng với Lê Văn V1 ở quán *Vua gà tươi* thuộc thôn L, xã N, huyện T; tại phiên tòa, bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Tự nguyện bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 , “Tự thú” theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, các bị cáo là những thanh niên mới lớn nhưng lười lao động, không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện, lập thân để kiếm được những đồng tiền chính đáng phục vụ bản thân. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có dự mưu từ trước. Giá trị tài sản chiếm đoạt 28.000.000 đồng là nhiều. Do vậy, HĐXX cần áp dụng một hình phạt nghiêm, bắt cả hai bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hai bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 28.000.000 đồng và làm hư hỏng, thiệt hại 01 kết sắt trị giá 1.700.000 đồng. Quá trình điều tra, cơ quan công an đã thu giữ của bị cáo Lê Long V Số tiền 7.900.000 đồng; thu giữ của bị cáo Lê Văn V1 là 3.800.000 đồng (gồm cả 1.000.000 đồng do chị G giao nộp) và đã trả lại cho bị hại. Nay, các bị hại yêu cầu 02 bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền chiếm đoạt và tài sản hư hỏng còn lại là 18.000.000 đồng. HĐXX thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là có cơ sở, phù hợp với pháp luật, cần được chấp nhận. Buộc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền trên các bị hại. Chia phần, căn cứ vào mức độ lỗi cũng như số tiền các bị cáo ăn chia thì mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị tổng giá trị tài sản bị thiệt hại, hư hỏng là 14.850.000 đồng. Vì bị cáo Lê Long V đã nộp lại số tiền 7.900.000 đồng, bị cáo Lê Văn V1 đã nộp lại số tiền 3.800.000 đồng nên bị cáo Lê Long V có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường số tiền 6.950.000 đồng, bị cáo Lê Văn V1 còn phải bồi thường 11.050.000 đồng cho các bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Long V đã bồi thường đủ số tiền 6.950.000 đồng cho bị hại. Bị cáo Lê Long V đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 thanh kim loại hình vuông ống; 02 cây nến màu đỏ; 01 thanh kim loại hình chữ S của bị hại; 01 đôi dép, 01 bộ quần áo thun đen của Lê Văn V1; 01 áo khoác tối màu của Lê Thế U: Những người chủ sở hữu tài sản trên không đề nghị nhận lại, xét những tài sản đó giá trị không đáng kể, nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 6S màu xám, màn hình màu đen, có số Imei 355694078973931 mà bị cáo Lê Văn V1 mua của chị T1. Quá trình điều tra, chị T1 không biết Văn V1 sử dụng số tiền do phạm tội mà có để mua chiếc điện thoại, số tiền bán điện thoại chị đã chi tiêu hết. Cơ quan công an đã thu giữ, quản lý chiếc điện thoại này. Vì về trách nhiệm dân sự, đã buộc 02 bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại về tiền và tài sản cho bị hại, nên cần trả lại bị cáo Lê Văn V1 chiếc điện thoại nhưng được giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Đối với 01 kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp màu xám bạc đã bị hỏng, quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. **Các bị cáo** không có ý kiến gì đối với chiếc kết sắt này. Do vậy, HĐXX không đặt ra xem xét, xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Wave Alpha BKS 27H1 - 6190 là phương tiện các bị cáo sử dụng để đi trộm cắp tài sản: Chiếc nay mô tô này thuộc quyền sử hữu hợp pháp của ông Lê Tứ H. Ông H không biết bị cáo Lê Long V sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện không thu giữ. Do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Bùi Thị T1 là người bán chiếc điện thoại Iphone 6S cho bị cáo Lê Văn V1 với số tiền 2.800.000 đồng: Chị T1 không biết về nguồn gốc số tiền mua tiện thoại của bị cáo. Số tiền 2.800.000 đồng bán điện thoại chị đã chi tiêu hết. Do vậy, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với chị T1.

Cháu Đặng Lê Hương G được bị cáo Lê Văn V1 đưa cho 1.500.000 đồng. Cháu G không biết đó là số tiền do bị cáo phạm tội mà có và đã chi tiêu hết 500.000 đồng. Số tiền còn lại 1.000.000 đồng, cháu đã nộp cho cơ quan công an. Do vậy, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với cháu G.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm b, i, r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Long V.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn V1.

Căn cứ các Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều Điều 587, Điều 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng của án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Lê Long V **18** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn V1 **18** tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại tổng giá trị thiệt hại, sau khi trừ đi số tiền mà các bị cáo đã giao nộp, còn lại số tiền 18.000.000 đồng. Chia phần, buộc bị cáo Lê Long V còn phải bồi thường 6.950.000 đồng, bị cáo Lê Văn V1 còn phải bồi thường số tiền 11.050.000 đồng cho các anh Vũ Duy Đ, sinh năm 1988, trú tại: thôn T, xã C, huyện T, tỉnh H; Đào Quang C, sinh năm 1989, trú tại: thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H; Vũ Đức O, sinh năm 1986, trú tại: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lê Long V đã nộp tiền bồi thường 6.950.000 đồng cho bị hại tại phiên tòa. Bị cáo Lê Long V đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 thanh kim loại hình vuông, ống; 02 cây nến màu đỏ, 01 thanh kim loại hình chữ S; 01 đôi dép, 01 bộ quần áo thun màu đen; 01 áo khoác.

- Trả lại bị cáo Lê Văn V1 01 chiếc điện thoại Iphone 6S màu xám, màn hình màu đen, có số Imei 355694078973931 nhưng được giữ lại để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

Những vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T và có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2020 giữa cơ quan công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí:

- Các bị cáo Lê Long V và Lê Văn V1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Long V phải chịu 347.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Văn V1 phải chịu 552.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS-Công an tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT-Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Anh Vân